

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/3/2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương;

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:
Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 và thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA, ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quốc Kh, sinh ngày 04/3/1998. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Tuyết Ng, sinh ngày 20/7/2000. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Quốc Kh trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2020 anh và chị Phạm Thị Tuyết Ng, qua thời gian quen biết và tìm hiểu khoảng 02 năm rồi tiến tới hôn nhân. Anh và chị Ng cùng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, sau đó mới tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống, đến tháng 9/2021 thì phát sinh

mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi về lối sống, không hợp nhau nên đã ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm không còn nên từ đó anh mới làm đơn xin ly hôn. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết Ng.

- Về con chung: Anh Kh và chị Ng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Gồm 09 chỉ vàng 24k (vàng cưới) loại vàng 99,99%, 01 đôi bông tai vàng 18k và 01 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% vợ chồng mua cùng số tiền gửi tiết kiệm là 8.000.000 đồng. Sau đó đến cuối năm 2020 vợ chồng anh đã thống nhất đem 07 chỉ vàng 24k vàng cưới đi đổi thành vàng 18k được 07 chỉ vàng 18k, loại vàng 70%, có dư được 3.000.000 đồng, vợ chồng anh cùng tiêu xài hết số tiền này. Tổng cộng tài sản chung của vợ chồng anh là 07 vàng 18k loại vàng 70% và 03 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% cùng số tiền 8.000.000 đồng, tất cả chị Ng đều quản lý. Trước đây anh làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Ng chia cho anh 05 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% và số tiền 6.000.000 đồng mà chị Ng đang quản lý.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Kh thay đổi nội dung khởi kiện là anh yêu cầu chị Ng chia cho anh 3,5 chỉ vàng 18k, loại vàng 70% và 1,5 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% cùng số tiền 4.000.000 đồng, số tiền và số vàng còn lại cùng đôi bông tai 18k thì anh đồng ý để lại cho chị Ng. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Phạm Thị Tuyết Ng có lời trình bày:

- Về hôn nhân: Quá trình xác lập hôn nhân anh Kh trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9/2021 thì giữa vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do sau khi cưới chị và anh Kh sống chung với cha mẹ chồng. Hàng ngày giữa chị và mẹ chồng thường xảy ra cự cãi về lối sống nên làm cho vợ chồng chị không nói chuyện với nhau, anh Kh không quan tâm chăm sóc chị nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Hiện tại chị vẫn còn tình cảm với anh Kh, nhưng anh Kh cương quyết ly hôn thì chị đồng ý ly hôn với anh Kh.

- Về con chung: Chị Ng và anh Kh không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh Kh. Tài sản chung của vợ chồng chị là 07 vàng 18k loại vàng 70% và 03 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% cùng số tiền 8.000.000 đồng. Thời gian chung sống chị đã bán 01 chỉ vàng 24k vợ chồng cùng mua, khi chị bán thì anh Kh có biết việc này, chị đã tiêu xài hết số tiền này. Đối với 07 chỉ vàng 18k loại vàng 70% thì chị cũng đã bán và chị đã tiêu xài cá nhân nhưng không có cho anh Kh biết. Khi chị về nhà cha mẹ ruột thì chị có đem theo 02 chỉ vàng 24k, 01 bộ vòng ximem 07 chiếc vàng 18k và đôi bông tai vàng 18k. Thời gian vợ chồng sống ly thân thì chị đã bán 02 chỉ vàng 24k để điều trị bệnh đau bao tử, khi chị bán vàng để điều trị bị

bệnh thì chị không có cho anh Kh biết, hiện tại chị chỉ còn 01 bộ vòng ximen 07 chiếc (vàng 18k) và 01 đôi bông tai vàng cưới. Đối với số tiền gửi tiết kiệm ở tổ của xã Hiệp Mỹ Đông là 13.000.000 đồng nhưng vợ chồng đã mượn lại 5.000.000 đồng và khi vợ chồng sống ly thân thì chị có mượn thêm của tổ tiết kiệm là 3.000.000 đồng nên số tiền tiết kiệm đã gửi sẽ trừ đi số tiền đã mượn và hiện tại tiền gửi tiết kiệm chỉ còn 5.000.000 đồng và đến ngày 21 tết âm lịch năm 2022 thì chị đã nhận số tiền còn lại là 5.000.000 đồng, chị đã tiêu xài số tiền này. Nay anh Kh yêu cầu chị chia cho anh Kh số tiền 4.000.000 đồng thì chị đồng ý đưa cho anh Kh số tiền này.

Còn đối với yêu cầu chia đôi vàng 07 chỉ vàng 18k loại vàng 70% và 03 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% thì chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý chia cho anh Kh 02 chỉ vàng 24k khi hòa giải. Trường hợp anh Kh không đồng ý thì chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Ng không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Về hôn nhân: Anh Kh và chị Ng xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C vào ngày 14/12/2020.

- Về con chung: Anh Kh và chị Ng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Gồm 07 chỉ vàng 18k loại vàng 70% và 03 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% cùng số tiền 8.000.000 đồng. Tất cả chị Ng đang quản lý. Chị Ng đồng ý đưa lại cho anh Kh số tiền 4.000.000 đồng.

Đối với 01 đôi bông tai vàng 18k chị Ng đang quản lý, anh Kh đồng ý để lại cho chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh Kh và chị Ng không tranh chấp, không khởi kiện.

Những tình tiết các bên đương sự không thống nhất với nhau:

- Anh Kh ý kiến: Anh yêu cầu chị Ng chia cho anh 3,5 chỉ vàng 18k loại vàng 70% và 1,5 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% cùng số tiền 4.000.000 đồng, số tiền và số vàng còn lại thì anh đồng ý để lại cho chị Ng.

- Chị Ng ý kiến: Chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh Kh, chị chỉ đồng ý chia cho anh Kh 02 chỉ vàng 24k.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tổng đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Kh được ly hôn với chị Ng, về con chung: anh Kh và chị Ng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Ng phải chia cho anh Khánh 1,5 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% và 3,5 chỉ vàng 18k loại vàng 70% cùng số tiền 4.000.000 đồng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Trần Quốc Kh khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu chia tài sản khi ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết Ng, địa chỉ: Ấp Cái Giã, xã Hiệp Mỹ Đông, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2] *Về hôn nhân:* Vào năm 2020 anh Kh và chị Ng xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim. Từ đó xác định hôn nhân giữa anh Kh và chị Ng là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Kh trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do không hợp nhau về lối sống nên giữa vợ chồng anh thường xuyên xảy ra cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Kh cương quyết xin ly hôn với chị Ng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Ng trình bày:

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do giữa chị và mẹ chồng thường xảy ra cự cãi về lối sống nên làm cho vợ chồng chị xảy ra cự cãi. Anh Kh không quan tâm chị nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho

đến nay, anh Kh không liên lạc với chị. Nay anh Kh cương quyết xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Kh.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa anh Kh và chị Ng có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, anh Kh xác định không còn tình cảm với chị Ng và anh cương quyết xin ly hôn với chị Ng. Chị Ng không đồng ý ly hôn nhưng do anh Kh cương quyết ly hôn thì chị đồng ý theo yêu cầu của anh Kh. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Khánh xử cho anh Kh được ly hôn với chị Ng.

[3] *Về con chung*: Anh Kh và chị Ng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung của vợ chồng*:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất số tài sản chung của vợ chồng gồm 09 chỉ vàng 24k, loại vàng 99,99% (vàng cưới) và 01 chỉ vàng 24k vợ chồng mua (tổng cộng 10 chỉ vàng 24k, loại vàng 99,99%) cùng số tiền gửi tiết kiệm là 8.000.000 đồng. Đến cuối năm 2020 vợ chồng anh Khánh đã thống nhất đem 07 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% đi đổi thành vàng 18k được 07 chỉ vàng 18k loại vàng 70%, có dư được 3.000.000 đồng, vợ chồng anh Kh cùng tiêu xài hết số tiền này. Tổng cộng tài sản chung của vợ chồng anh Kh là 07 vàng 18k loại vàng 70% và 03 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% cùng số tiền 8.000.000 đồng, tất cả chị Ng đều quản lý.

Nay anh Kh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Ng chia cho anh 3,5 chỉ vàng 18k loại vàng 70% và 1,5 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% cùng số tiền 4.000.000 đồng, số tiền và số vàng còn lại cùng đôi bông tai vàng 18k thì anh Kh đồng ý để lại cho chị Ng.

Chị Ng không đồng ý chia theo yêu cầu của anh Kh. Chị cho rằng thời gian vợ chồng còn sống chung thì chị đã bán 01 chỉ vàng 24k mà vợ chồng mua và số vàng 18k hiện tại chỉ còn bộ vòng ximem 07 chiếc, khi chị bán thì anh Kh có biết việc này và số tiền bán vàng chị đã tiêu xài cá nhân và trong gia đình hết. Còn lại 02 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99 % khi vợ chồng sống ly thân thì chị đã bán để điều trị bệnh đau bao tử, khi chị bán để điều trị bệnh thì chị không có báo cho anh Kh biết việc này. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Ng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và anh Kh cũng không thừa nhận có biết việc chị Ng bán vàng và số tiền bán vàng không dùng vào mục đích chi tiêu trong gia đình, khi vợ chồng anh sống ly thân thì chị Ng nói với anh vẫn còn quản lý đủ số vàng trên. Quá trình giải quyết, anh Kh và chị Ng đều trình bày hàng ngày chi tiêu trong gia đình là do cha mẹ anh Kh lo hàng tháng anh, chị đi làm công ty chỉ phụ thêm cha mẹ anh Kh là 2.000.000 đồng nên việc chị Ng trình bày dùng số tiền bán vàng để chi tiêu trong gia đình là hoàn toàn không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy 07 chỉ vàng 18k loại vàng 70% và 03 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% cùng số tiền tiết kiệm 8.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên chị Ng tự ý đem bán số tài sản chung của vợ chồng mà không được sự đồng ý của anh Kh và không dùng số tiền bán vàng để chi tiêu vào mục đích sinh hoạt trong gia đình nên chị Ng phải có nghĩa vụ chia lại $\frac{1}{2}$ số tài sản chung của vợ chồng cho anh Kh.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của anh Kh là có căn cứ để chấp nhận, tuy nhiên pháp luật hiện hành quy định hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng là sử dụng làm phương tiện thanh toán, Hội đồng xét xử buộc trả theo giá trị vàng tương ứng tại thời điểm xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 và điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019. Do đó, buộc chị Ng phải chia cho anh Kh 1,5 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% (tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% có giá 5.590.000 đồng) bằng số tiền 8.385.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 18k loại vàng 70% (tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 18k loại vàng 70% có giá 3.770.000 đồng) bằng số tiền 13.195.000 đồng. Tổng số tiền chị Ng có nghĩa vụ chia cho anh Kh là 21.580.000 đồng.

Đối với số tiền gửi tiết kiệm là 8.000.000 đồng và chị Ng đã nhận số tiền trên từ quỹ tiết kiệm xong. Nay các đương sự thống nhất chia đôi số tiền này, chị Ng thống nhất đưa lại cho anh Kh số tiền 4.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự buộc chị Ng có nghĩa vụ đưa cho anh Kh số tiền 4.000.000 đồng.

Đối với 01 đôi bông tai vàng 18k chị Ng đang quản lý, anh Kh đồng ý để lại cho chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về số nợ phải thu, phải trả*: Anh Kh và chị Ng không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Kh và chị Ng phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 và điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Quốc Kh.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho anh Trần Quốc Kh được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết Ng.

2. *Về con chung*: Anh Kh và chị Ng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung*:

Buộc chị Phạm Thị Tuyết Ng phải có nghĩa vụ chia cho anh Trần Quốc Kh gồm 1,5 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% và 3,5 chỉ vàng 18k loại vàng 70% tương ứng với số tiền là 21.580.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền tiết kiệm. Tổng cộng số tiền chị Phạm Thị Tuyết Ng có nghĩa vụ chia cho anh Trần Quốc Kh là 25.580.000 đồng.

Chị Phạm Thị Tuyết Ng được chia gồm 1,5 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% và 3,5 chỉ vàng 18k tương ứng với số tiền là 21.580.000 đồng và số tiền 4.000.000 đồng tiền tiết kiệm. Tất cả số tiền này chị Ng đang quản lý.

Đối với 01 đôi bông tai vàng 18k chị Ng đang quản lý, anh Kh đồng ý để lại cho chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. *Về số nợ phải thu, phải trả*: Anh Kh và chị Ng không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Trần Quốc Kh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Kh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006680, ngày 17 tháng 11 năm 2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

Anh Trần Quốc Kh phải chịu 1.279.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Kh đã nộp là 805.000 đồng (Tám trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai số 0006681, ngày 17 tháng 11 năm 2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Kh còn phải nộp thêm 474.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) án phí.

Chị Phạm Thị Tuyết Ng phải chịu 1.279.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà